

Gửi kèm theo công văn số 6589/BKHĐT-PC ngày 19/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2024

## BÁO CÁO

Về tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo về tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

### 1. Về Luật Quy hoạch

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

#### 1.1. Về hệ thống quy hoạch quốc gia

Theo quy định tại Điều 5 Luật Quy hoạch thì hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm (i) quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia; (ii) quy hoạch vùng; (iii) quy hoạch tỉnh; (iv) quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và (v) quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

Theo quy định này thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia. Trong khi đó, theo Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của Luật Quy hoạch thì nhiều quy hoạch thuộc Danh mục này có nội dung, tính chất quan trọng và phạm vi tác động

trên toàn quốc hoặc liên quan tới 2 tỉnh trở lên<sup>1</sup>.

Như vậy, quy định nêu trên chưa bảo đảm tính toàn diện, thứ bậc, chưa xác định rõ mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh..., dẫn đến vướng mắc triển khai thực hiện, làm giảm hiệu quả của công tác quy hoạch. Đồng thời, các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Luật Quy hoạch về các chính sách, nguyên tắc cơ bản, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch, giám sát hoạt động quy hoạch, các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch không được áp dụng thống nhất với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Mặt khác, việc xác định quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia tại Điều 5 Luật Quy hoạch là chưa thực sự phù hợp, do quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia nhưng lại có tính chất như quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành (cụ thể hóa quy hoạch tỉnh và thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng).

Do đó, việc sửa đổi Điều 5 Luật Quy hoạch nêu trên là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch...

### ***1.2. Về nội dung quy hoạch, thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch***

#### ***- Về nội dung quy hoạch***

Theo quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Luật Quy hoạch, nội dung quy hoạch phải **xác lập danh mục dự án** và thứ tự ưu tiên trong kỳ quy hoạch. Tuy vậy, quy định này chưa bảo đảm tính **định hướng** của quy hoạch, đồng thời trùng lặp với Danh mục dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và các dự án đã được chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư... Trên thực tế cũng không thể xác định được hết các dự án sẽ triển khai trong cả thời kỳ quy hoạch.

Do đó, đề nghị sửa đổi quy định này theo hướng xây dựng “Danh mục **dự kiến** các dự án quan trọng quốc gia” và “Danh mục dự án **dự kiến ưu tiên thực hiện**” để phản ánh đúng tính định hướng của các Danh mục dự án kèm theo...

#### ***- Về thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch:***

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật Quy hoạch thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

<sup>1</sup> Như quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh hoặc của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 02 tỉnh trở lên; quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề lập cho các hệ thống sông liên tỉnh; quy hoạch đề điều lập cho hệ thống đề liên quan từ hai tỉnh trở lên, quy hoạch tuyến, ga đường sắt; quy hoạch cảng hàng không, sân bay, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn...

Thủ tục theo quy định nêu trên chưa tạo được cơ chế linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch. Mặt khác, một số nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh (như dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác...) đã được phân cấp cho các địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.

Do đó, đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 55 và Điều 56 Luật Quy hoạch để phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch thời kỳ 2021-2030...

- Về trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch:

Theo quy định tại Điều 54 Luật Quy hoạch, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ thủ tục như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mới, bao gồm *nhiệm vụ lập quy hoạch, lập Hội đồng thẩm định quy hoạch...*

Trên thực tế đã phát sinh nhiều tình huống cần điều chỉnh quy hoạch để đáp ứng yêu cầu cấp bách; để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và Chính phủ nhưng không làm thay đổi mục tiêu và định hướng phát triển tại quy hoạch; hoặc để bảo đảm quy hoạch cấp dưới phù hợp với quy hoạch cấp trên nhằm tạo cơ chế điều chỉnh quy hoạch kịp thời, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu thực tiễn (*như điều chỉnh quy hoạch tỉnh do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; thực hiện các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua...*)...

Do vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 54 của Luật Quy hoạch để quy định các trường hợp được phép điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục (rút gọn) theo hướng không yêu cầu thực hiện toàn bộ các thủ tục như đối với trường hợp xây dựng mới quy hoạch mà chỉ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi phê duyệt điều chỉnh.

### **1.3. Về kinh phí cho hoạt động quy hoạch**

Điều 9 Luật Quy hoạch quy định về việc “sử dụng từ vốn **đầu tư công**” để lập quy hoạch; không quy định về việc sử dụng kinh phí thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để lập quy hoạch; không có quy định về kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong một số lĩnh vực quy định về việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để lập quy hoạch, dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất về nguồn kinh phí đối với hoạt động quy hoạch.

Do vậy, đề nghị sửa đổi quy định về chi phí cho hoạt động quy hoạch tại Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng bổ sung quy định cho phép sử dụng **nguồn kinh phí chi thường xuyên** và **các nguồn vốn hợp pháp khác** để lập, điều chỉnh quy hoạch, trong đó quy định cụ thể kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Việc sửa đổi sẽ khắc phục hạn chế nêu trên, tạo cơ chế linh hoạt trong việc sử

dụng các nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

## 2. Về Luật Đầu tư

### 2.1. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại điểm h khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư

Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đã được quy định và thực hiện xuyên suốt từ năm 2005 đến nay tại Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2020.

Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam cho thấy, mặt được của việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định nêu trên là đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước<sup>2</sup>, thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả<sup>3</sup> trong bối cảnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp chưa được xây dựng đồng bộ, quản lý chặt chẽ và năng lực quản lý của các địa phương còn hạn chế; phát triển đồng bộ, thống nhất hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng phát triển kinh tế của các vùng<sup>4</sup>; nâng cao hiệu quả sử dụng đất; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng và chuyển nhượng dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; tránh phát triển tràn lan khu công nghiệp ở các địa phương, gây thất thoát, lãng phí...

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, việc thực hiện quy định chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu xem xét phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bởi những lý do sau:

*Một là*, theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, nội dung

<sup>2</sup> Hoạt động đầu tư tại KCN tạo tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, tạo việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp tại KCN, KKT trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt khoảng 6% (năm 1995) lên 19% (năm 2005), 50% (năm 2015) và 57% (năm 2018). Trong giai đoạn 2016-2020, giá trị xuất khẩu trung bình hàng năm của dự án trong KCN, KKT chiếm trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; KCN, KKT góp phần giải quyết việc làm cho gần 4 triệu lao động trực tiếp (chiếm 7,3% lực lượng lao động của cả nước), chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn KCN, KKT trong tổng thu NSNN tăng: giai đoạn 1996 - 2000, 4.508 tỷ đồng, chiếm 1,22% tổng thu NSNN; giai đoạn 2011 - 2015, 361.978 tỷ đồng, chiếm 12,7 % tổng thu trong nước (không bao gồm dầu thô). Số doanh nghiệp trong KCN, KKT trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất cả nước chiếm khoảng 20% hàng năm.

<sup>3</sup> Tính lũy kế đến tháng 6/2021, các KCN, KKT trên cả nước đã thu hút được khoảng 10.148 dự án đầu tư trong nước và 10.921 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký tương ứng khoảng 2,51 triệu tỷ đồng và 229,8 tỷ USD. Trung bình hàng năm, vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 35 - 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tăng thêm của cả nước; nếu tính riêng trong lĩnh vực chế biến, chế tạo thì vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 75 - 85% tổng vốn đăng ký cả nước.

<sup>4</sup> Đến tháng 6/2021, hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế đã được hình thành trên các vùng kinh tế của cả nước, 395 khu công nghiệp đã được thành lập, trong đó 285 KCN đã đi vào hoạt động và tỷ lệ lấp đầy đạt 58,9%.

thẩm định dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có trong Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khu công nghiệp nằm trong ranh giới khu kinh tế; nhu cầu sử dụng đất; sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện về tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp...

Hầu hết những nội dung thẩm định này đều thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Trên thực tế, khi ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các khu công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ vẫn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các điều kiện về môi trường, quy hoạch... và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc giám sát, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn.

Hai là, Luật Quy hoạch đã quy định việc tích hợp định hướng xây dựng khu công nghiệp vào quy hoạch vùng và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp vào quy hoạch tỉnh. Theo quy định tại Điều 34 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Như vậy, định hướng xây dựng và phương án phát triển khu công nghiệp là căn cứ để xem xét việc thành lập khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Quy định này tạo cơ chế để bảo đảm định hướng thực thi chính sách phát triển các khu công nghiệp của cơ quan Trung ương.

Ba là, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã được xây dựng và hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể, minh bạch các tiêu chí, điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghiệp (bao gồm tiêu chí về quy hoạch; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...).

Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2024 đã phân cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng và chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; sửa đổi quy định về thu hồi đất đối với trường hợp thực hiện dự án khu công nghiệp theo hướng không yêu cầu dự án phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Do vậy, việc phân cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là phù hợp, đảm bảo sự đồng bộ về thẩm quyền trong triển khai thực hiện.

Việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghiệp sẽ được kiểm soát trên cơ sở phương hướng xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; và các yêu cầu, điều

kiện về thành lập, mở rộng khu công nghiệp (bao gồm tiêu chí về tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...) theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: “Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I”. Theo đó, mọi dự án đầu tư xây dựng mới: **bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt**, không phân biệt quy mô vốn đầu tư đều phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Bộ luật hàng hải, “Cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng và có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế”.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện cả nước có 02 cảng biển đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, Cảng biển Hải Phòng hiện có khoảng 46 bến cảng, 82 cầu cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-73 bến cảng. Cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu có khoảng 55 bến cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-70 bến. Trong đó, một số bến có chức năng là cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế là khu bến Lạch Huyện, khu bến Nam Đồ Sơn, Văn Úc, khu bến Cái Mép<sup>5</sup>. Các bến cảng này là khâu quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao vị thế đối ngoại, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và có tính chất, ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế biển, do đó, việc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư các bến này là phù hợp.

Tuy nhiên, trong 02 cảng biển đặc biệt nêu trên cũng có nhiều bến cảng quy mô nhỏ, không có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế (như khu bến Sông Cấm - Phà Rừng, khu bến Đình Vũ thuộc cảng biển Hải Phòng; khu bến Thị Vải, khu bến Sao Mai - Bến Đình, khu bến Sông Dinh, khu bến Long Sơn thuộc cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu...).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy, hiện nay việc đầu tư, xây dựng cảng biển có thể được kiểm soát trên cơ sở phương án phát triển các cảng biển tại quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển và các yêu cầu, điều kiện về đầu tư xây dựng cảng biển (bao gồm tiêu

<sup>5</sup> Nhu cầu vốn đầu tư các bến này giai đoạn đến 2030 dự kiến như sau: khu bến Lạch Huyện 15.000 tỷ, khu bến Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động) 15.000 tỷ, Khu bến cảng và Logistics Cái Mép Hạ 23.000 tỷ. Các bến cảng này là những cảng lớn kết nối các tuyến vận tải liên châu lục, và thường cũng là cửa ngõ ra vào các khu vực kinh tế rộng lớn thông qua việc kết nối các tuyến vận tải đường dài bằng tàu mẹ (mother ships) cùng với các tuyến ngắn hơn bằng tàu con (feeder ship).

chỉ về quy hoạch; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...) theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động

hàng hải.

Mặt khác, điểm d khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư đã phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển loại I có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng (mức vốn dự án nhóm A theo Luật Đầu tư công<sup>6</sup>).

Do vậy, tương tự các dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất nêu trên, việc xem xét phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng là phù hợp nhằm đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước cho địa phương, tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các địa phương, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

## **2.2. Về việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị**

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị... Tuy vậy, quy định này chưa xác định được cụ thể cấp độ quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết làm cơ sở để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, **đồ án quy hoạch phân khu** đã được phê duyệt là cơ sở để **xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết**. Như vậy, các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị sẽ được xác định trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu.

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, đô thị loại V tương đương với thị trấn không phải lập quy hoạch phân khu (vì quy hoạch chung thị trấn được lập trên tỷ lệ 1/5000 tương đương với quy hoạch phân khu). Theo dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thì các đô thị loại III, IV, V không phải lập quy hoạch phân khu (quy hoạch phân khu sẽ được tích hợp vào quy hoạch chung). Do vậy, đối với trường hợp này, chỉ cần đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung.

Thực tiễn áp dụng quy định về thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư cho thấy, yêu cầu đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư là chưa thực sự phù hợp, bởi lẽ ở giai đoạn này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xem xét chấp thuận về mục tiêu, địa điểm,

<sup>6</sup> Điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Đầu tư công quy định Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ là dự án nhóm A.

quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án để thực hiện dự án đầu tư... Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất, thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án, đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn nội dung này theo hướng đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

### **2.3 Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư**

- Về việc chấm dứt hoạt động đối với dự án không thực hiện theo tiến độ

Điều 48 Luật Đầu tư đã quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó bao gồm việc chấm dứt hoạt động liên quan đến tiến độ thực hiện. Tuy vậy, yêu cầu/điều kiện chấm dứt hoạt động chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ hoặc chưa thực sự phù hợp trong một số trường hợp, cụ thể là:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48, cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp dự án bị thu hồi đất do **không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng** theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quy định này liên quan đến các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, nhưng không áp dụng để chấm dứt hoạt động đối với các dự án chậm tiến độ nhiều năm do nhà đầu tư chưa triển khai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất hoặc không phối hợp trong việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để hoàn thành thủ tục đất đai, dẫn đến tình trạng “dự án treo”, dự án chậm tiến độ nhiều năm so với tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 và khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp nhà đầu tư **không thực hiện đúng nội dung** chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm mà không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động.

Theo quy định này, trường hợp nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không được thực hiện đúng là **tiến độ thực hiện** dự án đầu tư thì điều kiện để chấm dứt hoạt động là đã bị cơ quan nhà nước quyết định **ngừng hoạt động** mà không có khả năng khắc phục.

Tuy vậy, yêu cầu về việc ngừng hoạt động trong trường hợp này không thực sự phù hợp vì sẽ làm chậm thêm tiến độ thực hiện dự án, không giải quyết được mục tiêu/điều kiện cần khắc phục trong trường hợp dự án đã bị chậm tiến độ, dẫn đến vướng mắc khi xem xét việc khắc phục điều kiện ngừng hoạt động để chấm dứt hoạt động đối với dự án đầu tư, bởi lẽ việc khắc phục hậu quả như buộc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không khả thi sau khi bị ngừng hoạt động...



Vướng mắc nêu trên đã được nhiều địa phương<sup>7</sup> phản ánh trong quá trình rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 và trong khuôn khổ Tổ công tác đặc biệt về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án đầu tư theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc sửa đổi quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Điều 47 và Điều 48 Luật Đầu tư là cần thiết nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội...

- Về việc ngừng, chấm dứt hoạt động đối với dự án có nguy cơ gây ra sự cố môi trường.

Điểm b khoản 2 Điều 47 và khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư quy định về việc ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp có vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tuy vậy, Luật này không quy định về ngừng, chấm dứt hoạt động đối với dự án trong trường hợp có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường là sự cố gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Trên thực tế, đã có trường hợp nguy cơ xảy ra sự cố môi trường không phát sinh trên cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Do đó, việc bổ sung quy định ngừng thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường là cần thiết, tạo cơ chế xử lý đối với dự án này, bảo đảm hài hòa giữa việc thu hút đầu tư và lợi ích cộng đồng.

### **3. Về Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Trong hơn 03 năm thực hiện Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), có 31 dự án mới đang được triển khai thực hiện và 11 dự án đang chuẩn bị đầu tư theo phương thức PPP. Những dự án này đều là các dự án trọng điểm, quy mô lớn của quốc gia, địa phương với tổng mức đầu tư khoảng 380.000 tỷ đồng, nhu cầu sử dụng khoảng 190.000 tỷ vốn nhà nước. Các dự án PPP mới triển khai theo quy định của Luật PPP dự kiến sẽ hình thành khoảng 1000 km đường cao tốc, 02 cảng hàng không quốc tế tiêu chuẩn cấp 4C, 03 công trình xử lý chất thải rắn cấp đặc biệt, 03 nhà máy cung cấp nước sạch, góp phần mở rộng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội của các địa phương.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện các dự án theo quy định của Luật PPP còn tồn tại một số hạn chế, bất cập sau:

#### **3.1. Về lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong 05 lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; y tế,

<sup>7</sup> Cao Bằng, Bắc Giang, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Trà Vinh...

giáo dục - đào tạo và hạ tầng công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, đến nay, dự án PPP chỉ tập trung vào 03 lĩnh vực, gồm: giao thông vận tải (22 dự án đường bộ cao tốc, 03 dự án cảng hàng không, chiếm khoảng 80 % tổng số dự án PPP mới), xử lý rác thải (03 dự án, chiếm khoảng 10%) và cung cấp nước sạch (03 dự án, chiếm khoảng 10%). Trong lĩnh vực y tế, có 02 dự án bắt đầu được UBND Thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Yên Bái nghiên cứu đề xuất triển khai theo phương thức PPP.

Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng và điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong một số lĩnh vực khác, nhưng lại chưa được quy định tại Luật PPP. Trên thực tế, một số địa phương đã được áp dụng phương thức PPP đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, đầu tư xây dựng chợ... theo các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế đặc thù phát triển của địa phương (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng).

Nhằm đa dạng hoá các lĩnh vực có tiềm năng và đáp ứng nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP để bổ sung một số lĩnh vực như: văn hoá, thể thao, hạ tầng chợ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước.

### **3.2. Về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP**

Theo quy định tại Điều 4 Luật PPP, quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; hạ tầng công nghệ thông tin là 200 tỷ đồng. Riêng dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục-đào tạo và dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thì tổng mức đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Thực tiễn thu hút đầu tư của một số Bộ, ngành, địa phương cho thấy, hạn mức vốn này là khá cao đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, chưa tạo cơ chế mở, thông thoáng để huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân phù hợp với điều kiện của từng ngành, địa phương, nhất là đối với các dự án có quy mô nhỏ, nhưng địa phương có nhu cầu đầu tư và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư do có khả năng kinh doanh.

Để phù hợp với điều kiện đặc thù của việc thực hiện dự án PPP trong từng lĩnh vực cụ thể, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng hạ mức quy mô tối thiểu đối với các dự án này.

### **3.3. Về loại hợp đồng BT**

Luật PPP đã dùng thực hiện dự án đầu tư mới theo loại hợp đồng BT từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (01/01/2021).

Việc dùng thực hiện dự án BT theo Luật PPP xuất phát từ những bất cập của việc thực hiện loại hợp đồng này, như: *một số dự án không có mục tiêu đầu tư phù hợp, không cần thiết; giá trị công trình BT được xác định không chính xác, đa số dự án có suất đầu tư cao hơn so với dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc lựa chọn*

*nhà đầu tư chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức chỉ định thầu không cạnh tranh; công tác giám sát bị xem nhẹ dẫn đến chất lượng công trình không bảo đảm...*

Mặc dù còn tồn tại một số bất cập nhưng theo đánh giá của nhiều Bộ, ngành, địa phương, các dự án BT được thực hiện trong thời gian trước khi Luật PPP có hiệu lực thi hành vẫn có một số đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng tại các địa phương, huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân, giúp giảm áp lực về vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, các dự án đối ứng được thanh toán đầu tư cũng góp phần đáng kể cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

Do vậy, nếu mô hình này được nghiên cứu kỹ lưỡng để đổi mới toàn diện, khắc phục tối đa những bất cập của giai đoạn trước thì vẫn có thể phát huy được hiệu quả. Hiện nay, Quốc hội đã cho phép 03 địa phương được thí điểm triển khai loại hợp đồng BT, gồm: Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hà Nội và Nghệ An. Tuy nhiên, cách thức áp dụng còn chưa thống nhất, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù của từng địa phương, cụ thể là:

- Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách Thành phố).

- Nghệ An được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất).

- Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (ngân sách thành phố) hoặc thanh toán bằng quỹ đất.

Trong bối cảnh việc huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách ngày càng khó khăn và nhu cầu đầu tư cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng tăng mạnh, căn cứ quá trình thực hiện cơ chế này trong từng thời kỳ, cần xem xét tiếp tục áp dụng loại hợp đồng BT theo hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng này.

### ***3.4. Về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu***

Theo Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu.

Trên cơ sở đó, Luật PPP (khoản 4 Điều 45) quy định không áp dụng loại hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng (hợp đồng BOT) đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu.

Thực tiễn triển khai ở một số địa phương cho thấy, nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng... cần mở rộng để đáp ứng nhu cầu lưu thông, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, ngân sách địa phương không đảm bảo được nhu cầu huy động đầu tư mở rộng các tuyến đường này.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp. Hồ Chí Minh đã cho phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

Chính sách này cũng được quy định tại Luật Đường bộ năm 2024, trong đó cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với các dự án đường bộ cao tốc hiện hữu hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc nhưng phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng.

Do vậy, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP theo hướng cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

### ***3.5. Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP được quy định ở mức không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Nguồn vốn này được sử dụng để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Hiện nay, một số dự án đang được Bộ Giao thông vận tải và các địa phương khẩn trương chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho một số vùng, miền còn khó khăn. Các dự án này có nhu cầu vận tải giai đoạn đầu chưa cao nên cần có sự tham gia vốn nhà nước nhiều hơn để đảm bảo tính khả thi khi thu hút đầu tư theo phương thức PPP. Trong khi đó, một số dự án chỉ tính riêng chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Để tháo gỡ vướng mắc cho ngành giao thông, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ, trong đó cho phép tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được vượt quá 50% tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình (không quá 80%) và Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (không quá 70%).

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP quy định về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng áp dụng hạn mức khác nhau tùy thuộc tính chất của từng dự án.

### ***3.6. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn***

Theo quy định tại khoản 6 Điều 52 Luật PPP, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ nguồn vốn nhà nước

trong trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước hoặc do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Tuy nhiên, Luật PPP, Luật Đầu tư công chưa xác định rõ nguồn vốn nhà nước cụ thể được bố trí để mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, dẫn tới việc cân đối, bố trí vốn đầu tư công để thanh toán trong các trường hợp này chưa thể thực hiện. Do vậy, cần bổ sung quy định nhằm xác định nguồn thanh toán cho nhà đầu tư trong các trường hợp này.

### ***3.7. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP, chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu được sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự phòng ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, nguồn dự phòng ngân sách nhà nước phụ thuộc vào nguồn thu ngân sách hằng năm nên cần bổ sung các nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP trong trường hợp không bố trí được nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định bổ sung nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP.

### ***3.8. Về việc thực hiện đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PPP, trong trường hợp dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho một cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12 Luật PPP quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tuy nhiên chưa xác định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền.

Hiện nay, dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công.

Do vậy, cần sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đầu tư công; đồng thời bổ sung quy định về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

### ***3.9. Về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ***

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật PPP, Hội đồng thẩm định liên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết

định chủ trương đầu tư.

Thực tế cho thấy, việc Hội đồng thẩm định liên ngành tiếp tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, sau khi đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã làm giảm tính chủ động của các địa phương (là cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời tạo gánh nặng cho Hội đồng thẩm định liên ngành.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật PPP theo hướng phân cấp Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (do Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập) thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

### ***3.10 Về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư***

Theo quy định tại các Điều 11 và 28 Luật PPP, việc chuẩn bị đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện lần lượt theo trình tự: lập báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi đã có chủ trương đầu tư và lập hồ sơ mời thầu sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt. Thực tế cho thấy, để đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, các thủ tục này có thể thực hiện đồng thời mà không nhất thiết phải theo trình tự lần lượt từng bước nêu trên.

### ***3.11. Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M***

Các Điều 11 và 19 Luật PPP quy định về quy trình thực hiện và nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án PPP, bao gồm cả dự án đầu tư theo loại hợp đồng O&M. Tuy nhiên, đây là một loại hợp đồng mới, có tính chất đặc thù, được thực hiện để khai thác, kinh doanh, quản lý công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đã có sẵn (không có cấu phần xây dựng). Với tính chất đặc thù như vậy, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ chế quản lý hợp đồng cũng có nhiều yếu tố khác biệt. Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án PPP theo loại hợp đồng này trong thời gian qua gặp nhiều vướng mắc, không thể áp dụng trong thực tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi trong quá trình chuẩn bị dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc thực hiện hợp đồng O&M theo hướng giản lược hơn so với các hợp đồng truyền thống khác (như BOT), bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù, khác biệt của loại dự án này (không có cấu phần xây dựng).

### ***3.12. Về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Xây dựng, nội dung tổng mức đầu tư

xây dựng gồm chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá; **không bao gồm** các khoản chi phí phát sinh sau thời gian xây dựng (như chi phí lãi vay chờ thanh toán, lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ khi dự án hoàn thành...).

Hiện nay, một số hợp đồng BT thanh toán bằng tiền do Bộ Giao thông vận tải và một số địa phương làm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được ký kết trong giai đoạn Nghị định số 108/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đang gặp vướng mắc trong việc thanh toán, quyết toán do các quy định nêu trên của Luật Xây dựng và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với việc thanh toán, quyết toán các chi phí trong thời gian xây dựng. Đối với các chi phí sau thời gian xây dựng, mặc dù được thể hiện trong phương án tài chính, đã được cấp có thẩm quyền cho phép và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thoả thuận với nhà đầu tư trong Hợp đồng dự án, nhưng không thuộc nội dung tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng nên không có cơ sở để thanh toán và quyết toán, thanh lý hợp đồng do chưa hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, trong đó quy định: *chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án (điểm d khoản 5 Điều 4).*

Do vậy, để xử lý vướng mắc nêu trên, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 theo hướng: đối với hợp đồng BT thanh toán bằng tiền được ký kết theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trường hợp hợp đồng dự án đã xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý trong phương án tài chính thì được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

### ***3.13. Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành***

Theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP, Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án.

Trên thực tế, các hợp đồng được ký kết trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành đều có nội dung thoả thuận căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và một số văn bản khác có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay một số hợp đồng dự án có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nhưng không thể thực hiện vì các văn bản nêu trên không có quy định áp dụng đối với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành.

### ***3.14. Về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại***

### ***thời điểm ký hợp đồng***

Theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP thì Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng. Tuy nhiên, thực tế đã phát sinh trường hợp một số hợp đồng dự án được ký kết chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết nhưng Luật PPP cũng như các Nghị định quy định chi tiết Luật này đều không có quy định hoặc quy định thiếu rõ ràng để xử lý các trường hợp này, dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện. Những vướng mắc phổ biến là: (i) chưa làm rõ tiêu chí xác định “Hợp đồng đã ký kết đúng quy định của pháp luật” và cơ quan có trách nhiệm xác định; (ii) trường hợp hợp đồng được ký kết chưa đúng thì trách nhiệm thuộc về nhà đầu tư hay của cơ quan quản lý có thẩm quyền<sup>8</sup>; (iii) nguyên tắc xử lý trong trường hợp hợp đồng được ký kết không đúng quy định.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 101 Luật PPP để xử lý các vướng mắc này.

### **4. Về Luật Đấu thầu**

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Tuy nhiên, trong hơn một năm kể từ ngày được Quốc hội thông qua và thực tiễn 7 tháng thi hành Luật Đấu thầu năm 2023 cho thấy, quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Luật này mặc dù đã được cải cách mạnh mẽ nhưng vẫn cần tiếp tục xem xét sửa đổi theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa hơn nữa nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn, cụ thể là:

#### ***4.1. Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)***

*- Đối với gói thầu sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:*

Điều 42 Luật Đấu thầu năm 2023 đã quy định chủ đầu tư được thực hiện một số hoạt động trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết nhưng chỉ giới hạn việc thực hiện các hoạt động này trong việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, xác định danh sách ngắn, không bao gồm việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng.

Hiện nay, một số nhà tài trợ, đặc biệt là các nhà tài trợ song phương châu Âu (Đan Mạch, Hungary, Áo, Bỉ, Phần Lan, Tây Ban Nha... ) có yêu cầu phải ký kết trước hợp đồng thương mại như một điều kiện ràng buộc để đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Nếu vướng mắc này không được giải quyết thì việc huy động nguồn vốn từ đa số các nước châu Âu sẽ không thể thực hiện được (ước tính giá trị vốn theo cam kết tại các Hiệp định khung và các đề xuất dự án khoảng 550 triệu USD trong 3-5 năm tới).



- *Đối với các gói thầu thuộc dự án khác, không phải là dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:*

Hiện nay, Luật Đấu thầu năm 2023 chưa có quy định về việc thực hiện trước một số hoạt động đấu thầu. Theo quy định hiện hành, việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, phi tư vấn, xây lắp để phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng... **chỉ được thực hiện sau khi có quyết định phê duyệt dự án**. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình chuẩn bị đầu tư vẫn có thể tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu nêu trên trước khi dự án được phê duyệt để đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Do vậy, cần đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu, đặc biệt là các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

#### **4.2. Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt**

Luật Đấu thầu (Điều 29) đã quy định một số gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu đã được quy định tại Luật. Quy định này được luật hóa trên cơ sở Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Luật đã phát sinh yêu cầu phải xem xét bổ sung một số trường hợp khác như sau:

- *Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra:*

Gói thầu này Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực yêu cầu Chính phủ xem xét, nghiên cứu bổ sung được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt có yếu tố đặc thù, cần bảo đảm thời gian định giá trong quá trình tố tụng hình sự theo yêu cầu của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, nếu tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định của Luật Đấu thầu sẽ không có nhà thầu tham dự do tính chất của các vụ án điều tra thường nhạy cảm, phức tạp, nhà thầu có tâm lý e ngại, không muốn tham dự thầu. Trường hợp phải xử lý tình huống trong đấu thầu để gia hạn thời gian đóng thầu sẽ kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu, gây ảnh hưởng, đình trệ đến tiến độ điều tra, xử lý các vụ án hình sự. Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã yêu cầu Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu này.

- *Gói thầu tổ chức các hội nghị, hội thảo có yêu cầu cấp bách:*

Trên thực tế, gói thầu này đã được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng chưa được quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023. Các bộ, ngành, địa phương đều kiến nghị bổ sung trường hợp này nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động, đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm thời gian trong đấu thầu cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

*- Gói thầu sản xuất phim:*

Nội dung gói thầu bao gồm việc lựa chọn diễn viên, kịch bản phim phải gắn với bản quyền của biên kịch... không thể áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Ngoài ra, một số trường hợp khác đã phát sinh yêu cầu bổ sung áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng tính riêng biệt, đặc thù mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác như:

*- Gói thầu phục vụ đón đoàn khách cấp cao nước ngoài thăm chính thức và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại:*

Gói thầu này có tính đặc thù cao vì đề án chính trị, đề án lễ tân... thường được phê duyệt gần sát ngày diễn ra lễ đón khách quốc tế nên tiến độ thường phải thực hiện gấp; việc lựa chọn nhà thầu cũng phải đáp ứng yêu cầu của đối tác nước ngoài, phải bảo đảm an ninh, bảo mật;

*- Gói thầu mua dịch vụ các công ty xếp hạng tín nhiệm quốc tế và gói thầu hệ thống thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viên thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT):*

+ Gói thầu mua dịch vụ của công ty xếp hạng tín dụng (mua quyền khai thác trực tuyến thông tin từ các công ty xếp hạng có uy tín trên thế giới) có tính đặc thù chuyên môn cao trong lĩnh vực phân tích tài chính quốc tế và đòi hỏi nền tảng kỹ thuật hiện đại, cho phép truy cập khối lượng dữ liệu lớn, bảo mật thông tin khách hàng, không phải bất kỳ công ty xếp hạng tín dụng nào cũng đáp ứng. Hiện nay, chỉ có 3 công ty Moody's, S&P và Fitch đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và việc sử dụng dịch vụ của các công ty này trong thời gian tới là cần thiết, bảo đảm cho công tác quản lý dự trữ ngoại hối được an toàn, hiệu quả. Trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và công ty xếp hạng nhỏ trúng thầu thì một số đối tác của Ngân hàng Nhà nước không được xếp hạng, ảnh hưởng tới danh mục đầu tư, hiệu quả quản lý dự trữ ngoại hối.

+ Đối với gói thầu hệ thống thanh toán quốc tế, việc lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu cũng không khả thi do: (i) Hiệp hội SWIFT không phải là nhà thầu và sẽ không tham gia đấu thầu; (ii) Dịch vụ qua hệ thống SWIFT là dịch vụ độc quyền; (iii) Hình thức đặt hàng trực tiếp (e-order) qua trang điện tử của Hiệp hội SWIFT không giống với bất kỳ hình thức lựa chọn nhà thầu nào theo quy định của Luật Đấu thầu.

*- Gói thầu lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài:*

Luật Đấu thầu năm 2023 chỉ cho phép lựa chọn luật sư để bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan tài phán nước ngoài mà chưa cho phép lựa chọn luật sư bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc

biệt<sup>9</sup>. Trong khi đó, số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng<sup>10</sup>, cần phải thuê luật sư tư vấn có kinh nghiệm dày dặn, năng lực pháp lý và kiến thức chuyên sâu để bảo vệ quyền và lợi ích của Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, nếu các gói thầu nêu trên phải lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật Đấu thầu sẽ gặp khó khăn về mặt thời gian, trình tự, thủ tục; trong khi đó, các gói thầu này cần được lựa chọn nhà thầu kịp thời, tránh ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các nghiệp vụ công tác của cơ quan, đơn vị.

Để tháo gỡ những vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt, cần xem xét bổ sung các gói thầu nêu trên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định Điều 29 Luật Đấu thầu.

### ***4.3. Về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế***

Đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế là điều kiện tiên quyết của một số đối tác phát triển để tài trợ vốn cho Việt Nam và điều kiện này được đặt ra ngay trong quá trình đàm phán điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Tuy nhiên, Luật Đấu thầu năm 2023 (điểm a khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 22) quy định đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế chỉ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện “*nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay*”.

Các hình thức này chỉ được thực hiện trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay **đã ký kết** có quy định cho phép áp dụng; trong quá trình đàm phán các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trường hợp có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu thì phải báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (Điều 3 Luật Đấu thầu).

Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và phải vay với điều kiện gặt với thị trường, chỉ còn một số ít nước như Nhật Bản, Hàn Quốc (là 02 nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam) và một số nước châu Âu còn duy trì vốn ODA nhưng phải có điều kiện ràng buộc về đấu thầu hạn chế giữa các nhà thầu của nước tài trợ. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động, trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế là: 3,06 tỷ USD.

Ngoài ra, việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài là quy định của hầu hết các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế nhằm đảm bảo tính cạnh tranh công bằng trong quá trình đấu thầu. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy

<sup>9</sup> Ví dụ như trong các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam do Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng, điều tra và ban hành mức thuế phòng vệ thương mại thì Bộ Thương mại Hoa Kỳ được xác định không phải là cơ quan tài phán nước ngoài hay quốc tế

<sup>10</sup> Giai đoạn 2001-2011 là 50 vụ, giai đoạn từ năm 2012 đến 06 tháng đầu năm 2024 có 202 vụ (tăng gần 4 lần). Riêng trong năm 2023 đã phát sinh 15 vụ việc mới do nước ngoài khởi xướng, bên cạnh nhiều vụ việc đang trong quá trình điều tra, hoặc thuộc diện rà soát hàng năm, rà soát cuối kỳ... Tính đến hết tháng 6 năm 2024, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của 252 vụ việc điều tra liên quan đến phòng vệ thương mại từ 24 thị trường

động trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế là 16,57 tỷ USD.

Do vậy, việc không cho phép đấu thầu hạn chế, đấu thầu quốc tế đối với các gói thầu, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi sẽ làm vô hiệu các nguyên tắc cơ bản về ODA ràng buộc và ODA không ràng buộc đã được quy định tại Luật Quản lý nợ công. Nếu không xử lý được vấn đề này, các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng vốn vay của Nhật Bản, các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc (trong giai đoạn 2026-2030 là 02 tỷ USD) phải thực hiện các thủ tục trình duyệt của các cấp có thẩm quyền, phát sinh nhiều thủ tục hành chính và thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án.

Do vậy, cần xem xét, sửa đổi quy định tại Điều 11 và Điều 22 Luật Đấu thầu để hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, góp phần tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh quá trình đàm phán, ký kết các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

Trên đây là báo cáo về tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu xin kính trình Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC (Hàng).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**